

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/KDTM-ST

Ngày: 10/7/ 2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoài** - Thẩm phán.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vương Xuân Tượng**;

2. Ông **Nguyễn Ước**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Thanh Tài** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Vinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2017/TLST-KDTM ngày 30/3/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-KDTM ngày 09/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ**;

Trụ sở: đường H, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật – Ông **Phan Đức T**- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Hoàng L** – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ

(*văn bản ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016*).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1961.

Trú tại: đường H, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông L, bà X có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ngày 17/02/2016 bà Nguyễn Thị X có ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch Phan Chu Trinh (sau đây gọi là Ngân hàng) với số tiền 650.000.000đ; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh thu mua nông sản; thời hạn vay 11 tháng; để đảm bảo khoản vay trên thì bà Nguyễn Thị X thế chấp tài sản là xe ô tô tải có mui hiệu THACO AUMAN12 do bà Nguyễn Thị X đứng tên sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp số: 065/2016/8284621/HĐTC ngày 17/02/2016 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký tài sản tại Đà Nẵng ngày 17/02/2016.

Ngày 18/01/2017 số tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 065/2016/8284621/HĐTD đến hạn, nhưng Bà Nguyễn Thị X không thanh toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Bà Nguyễn Thị X thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng bà X vẫn không trả, vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị X thanh toán số tiền nợ gốc: 635.000.000đ (Sáu trăm ba mươi lăm triệu); nợ lãi: 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) tạm tính đến ngày 08/3/2017; yêu cầu bà X tiếp tục trả lãi theo như hợp đồng đã ký kết và yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

Theo bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của bị đơn là bà Nguyễn Thị X:

Ngày 17/02/2016 bà Nguyễn Thị X có ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng Đ với số tiền 650.000.000đ; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh thu mua nông sản; thời hạn vay 11 tháng; để đảm bảo khoản vay trên thì bà Nguyễn Thị X thế chấp tài sản là xe ô tô tải có mui hiệu THACO AUMAN12 do bà Nguyễn Thị X đứng tên sở hữu, tuy nhiên đây là chiếc xe mà con rể bà X là Nguyễn Văn A nhờ bà X đứng tên dùm. Sau khi vay vốn thì đến cuối tháng 3/2016 ông Nguyễn Văn A đã mang xe đi Hà Nội. Cuối tháng 8 năm 2016 bà X ra Hà Nội tìm gặp ông A và đã lấy được chiếc xe về. Tháng 01/2017 bà X đã liên hệ với Ngân hàng và thông báo hiện cho Ngân hàng biết bà X không còn khả năng thanh toán và đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe THACO AUMAN12 để thu hồi nợ, đồng thời sau khi xử lý tài sản thế chấp xong thì phía Ngân hàng phải xóa hết nợ cho bà X. Tuy nhiên phía Ngân hàng đã không đồng ý. Nay Ngân hàng khởi kiện thì bà X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng vì hiện nay bà X đang gặp khó khăn, không có tiền để trả nợ cho

Ngân hàng. Bà X yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ và phải xóa hết nợ còn lại cho bà X; ngoài ra bà X không còn yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị X trả số tiền nợ gốc là 635.000.000đ; nợ lãi trong hạn là 39.211.250đ; nợ lãi quá hạn là 14.494.759đ (tiền lãi tính đến ngày 10/7/2017), tổng cộng là 688.706.009đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng. Yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án. Bị đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ và xóa hết nợ cho bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử, xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị X trả số tiền nợ gốc là 635.000.000đ; nợ lãi trong hạn là 39.211.250đ; nợ lãi quá hạn 14.494.759đ, tổng cộng là 688.706.009đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt; Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp: Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập với nhau hợp đồng tín dụng số 065/2016/8284621/HĐTD ngày 17/02/2016 để vay số tiền 650.000.000đ; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh thu mua nông sản (bà X có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, bút lục: 39); thời hạn vay 11 tháng; để đảm bảo khoản vay trên thì bà Nguyễn Thị X thế chấp tài sản là xe ô tô tải có mui nhãn hiệu THACO AUMAN12 do bà Nguyễn Thị X đứng tên sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp số: 065/2016/8284621/HĐTC ngày 17/02/2016 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký tài sản tại Đà Nẵng ngày 17/02/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Do vậy đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Các đương sự đều thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số 065/2016/8284621/HĐTD ngày 17/02/2016 để vay số tiền 650.000.000đ; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh thu mua nông sản; thời hạn vay 11 tháng; để đảm bảo khoản vay trên, bà Nguyễn Thị X thế chấp tài sản là xe ô tô tải có mui nhãn hiệu THACO AUMAN12 do bà Nguyễn Thị X đứng tên chủ sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp số: 065/2016/8284621/HĐTC ngày 17/02/2016 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký tài sản tại Đà Nẵng ngày 17/02/2016. Bị đơn cho rằng chỉ đứng tên thay con rể (Nguyễn Văn A) vay tiền và thế chấp chiếc xe nói trên cho nguyên đơn, chứ không kinh doanh gì cả; sau đó con rể sử dụng chiếc xe này và nay bị đơn đã lấy được xe về nhưng do kinh tế khó khăn nên yêu cầu nguyên đơn phát mãi tài sản thế chấp và xóa nợ còn lại cho bị đơn.

Tuy nhiên qua xem xét các chứng cứ do các đương sự xuất trình từ Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản và các giấy tờ chứng nhận đăng ký xe ô tô (tài sản thế chấp), giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đều đứng tên bà Nguyễn Thị X (bút lục: 01 – 27; 39); mặt khác, nguyên đơn không thừa nhận lời khai trên của bị đơn, còn bị đơn không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình; bị đơn cũng không cung cấp được địa chỉ hiện nay của của con rể mình là anh Nguyễn Văn A; đồng thời các đương sự cũng không tranh chấp gì với anh Nguyễn Văn A nên không cần thiết đưa anh A vào tham gia tố tụng trong vụ án này (Bút lục: 52).

Quá trình vay, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn 15.000.000đ tiền nợ gốc và 46.202.986đ tiền lãi, sau đó không thanh toán gốc lãi từ ngày 18/01/2017. Do bị đơn không thanh toán đúng hạn nên đã vi phạm vào Điều 4 của hợp đồng tín dụng số 065/2016/8284621/HĐTD ngày 17/02/2016. Ngoài ra tại khoản 9 Điều 7 của hợp đồng tín dụng số 065/2016/8284621/HĐTD ngày 17/02/2016 quy định: “... Nếu tiền thu được do xử lý tài sản thế chấp, cầm cố không đủ để thanh toán nợ gốc và lãi thì Bên vay phải tiếp tục bảo đảm nghĩa vụ thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng Đ”. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 688.706.009đ, trong đó nợ gốc: 635.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 39.211.250đ và nợ lãi quá hạn là 14.494.759đ tính từ ngày 18/01/2017 đến ngày 10/7/2017; yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản lãi vay, lãi phạt quá hạn, các khoản phí phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ hợp đồng là có căn cứ và phù hợp với các quy định của Hợp đồng tín dụng số 065/2016/8284621/HĐTD ngày 17/02/2016 nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án, Hội đồng xét xử thấy rằng: để đảm bảo cho khoản vay 650.000.000đ của hợp đồng

tín dụng số 065/2016/8284621/HĐTD ngày 17/02/2016, các bên có lập hợp đồng thế chấp tài sản là xe ô tô tải có mui nhãn hiệu THACO AUMAN12 do bà Nguyễn Thị X đứng tên chủ sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp số: 065/2016/8284621/HĐTC ngày 17/02/2016 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký tài sản Đà Nẵng ngày 17/02/2016. Việc thế chấp tài sản nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật; nên cần tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 065/2016/8284621/HĐTC ngày 17/02/2016 để đảm bảo thi hành án là phù hợp.

Về án phí: do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 29; Điều 33, 131 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 342, 471, 474 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bà Nguyễn Thị X.

Buộc bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền 688.706.009đ (sáu trăm tám mươi tám triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn không trăm lẻ chín đồng); trong đó nợ gốc: 635.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 39.211.250đ, nợ lãi quá hạn: 14.494.759đ tính đến ngày 10/7/2017.

Kể từ ngày 11/7/2017 bà Nguyễn Thị X còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 065/2016/8284621/HĐTC ngày 17/02/2016 cho đến khi thi hành án xong khoản nợ.

Tiếp tục duy trì tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ là xe ô tô tải có mui nhãn hiệu THACO AUMAN12 do bà Nguyễn Thị X đứng tên chủ sở hữu; theo Hợp đồng thế chấp số: 065/2016/8284621/HĐTC ngày 17/02/2016 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký tài sản Đà Nẵng ngày 17/02/2016.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị X phải chịu 31.548.000đ (ba mươi một triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Đ số tiền 15.140.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0008234 ngày 30/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Bộ phận Dân sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Hoài